|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| P PHÒNG GD&ĐT  HHUYỆN LONG ĐIỀN **MA TRẬN KIỂM TRA HKII NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: Toán 6**  ***Thời gian: 90 phút***  Hình thức ra đề: 30% trắc nghiệm(*12 câu*) + 70% tự luận  Theo tỉ lệ : 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng thấp, 10% vận dụng cao   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TÊN CHỦ ĐỀ** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | | **CỘNG** | | **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** | | 1. **PHÂN**   **SỐ** | - Phân số bằng nhau, biểu diễn số nguyên dưới dang phân số, tính chất cơ bản của phân số | - So sánh phân số, Thực hiện các phép toán cộng, trừ, nhân chia đơn giản với phân số. | - Giải các bài toán tính giá trj phân số của một số, tìm một số biết giá trị phân số của số đó | - Bài toán tổng hợp |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *1* | **1**  *0,75* | **2**  *1,0* | **1**  *0,5* | **7**  ***3,25 điểm*** | | 1. **2.SỐ THẬP PHÂN** | - Làm tròn số thập phân | Làm được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân | - Tính được tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm. |  |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *1,0* | **3**  *1,75* | **1**  *0,5* |  | **7**  ***3,25 điểm*** | | 1. **HÌNH HỌC TRỰC QUAN** | - Xác định tâm đối xưng, trục đối xứng của một hình. |  |  | |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *0,75* |  |  |  | **3**  ***0,75 điểm*** | | 1. **HÌNH HỌC PHẲNG** | * Xác định được ba điểm thẳng hàng, các đương thẳng cắt nhau, song song. * Xác định được độ dài đoạn thẳng, trung điểm đoạn thẳng . * Xác định được góc, đỉnh của góc, điểm nằn trong,nằm ngoài góc, số đo góc, góc vuông, góc nhọn, góc tù. | | | |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **3**  *1,0* | **2**  *0,5* | **1**  *0,5* | **1**  *0,5* | **7**  ***2,5 điểm*** | | 1. **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT** | Khả năng xảy ra của một sự kiện, xác suất thực nghiệm |  |  |  |  | | *Số câu*  *Số điểm* | **1**  *0,25* |  |  |  | **1**  ***0,25 điểm*** | | *Tổng số câu*  *Tổng số điểm*  *Tỉ lệ %* | **13**  ***4***  *40%* | **6**  ***3,0***  *30%* | **4**  ***2,0***  *20 %* | **2**  ***1,0***  *10%* | **25**  ***10***  *100%* |   **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **Năm học: 2022-2023**  ĐỀ THAM KHẢO  **MÔN: TOÁN - LỚP 6**  Thời gian: 90 phút (*không kể thời gian phát đề*) |

**Đề 11**

1. **Phần trắc nghiệm (3đ)** (mỗi câu đúng 0,25đ)
2. Số học sinh giỏi của lớp 6A là 12 học sinh và bằng  số học sinh khá của lớp. Vậy số học sinh khá của lớp 6A là

**A.  B.  C.  D. **

1. Rút gọn phân số , ta được phân số là

**A.**  **B.  C.  D. **

1. Làm tròn số thập phân  đến chữ số thập phân thứ nhất ta được số

**A.  B.  C.  D. **

1. Số trục đối xứng của hình vuông là

**A.  B.  C.  D. **

1. Trong các hình: hình chữ nhật, hình thoi, hình thang cân, tam giác đều, hình bình hành, số hình **không** có tâm đối xứng là

**A.  B.  C.  D. **

1. Trong hộp có 2 quả bóng xanh, 3 quả bóng đỏ và 2 quả bóng vàng. Phương lấy ra 5 quả bóng từ hộp. Hỏi sự kiện chắc chắn xảy ra là

**A.** Có ít nhất một quả bóng đỏ trong 5 quả bóng lấy ra

**B.** Có ít nhất một quả bóng vàng trong 5 quả bóng lấy ra

**C.** 5 quả bóng lấy ra có cùng màu xanh

**D.** 5 quả bóng lấy ra có đủ 3 màu

1. Cho các hình sau:

**Hình 1**

**Hình 2**

**Hình 3**

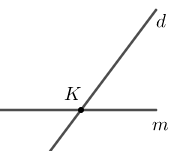
**Hình 4**

Hình có tâm đối xứng là

**A.** Hình 3, hình 4 **B.** Hình 1, hình 3 **C.** Hình 1, hình 4 **D.** Hình 2

1. Góc vuông là góc có số đo

**A.** Lớn hơn  và nhỏ hơn  **B.** Bằng ****

**C.** Lớn hơn  và nhỏ hơn  **D.** Bằng ****

1. Cho hình bên, khẳng định đúng là

**A.** Đường thẳng d và m cắt nhau tại K

**B.** Đường thẳng d song song với đường thẳng m

**C.** Đường thẳng d trùng với đường thẳng m

**D.** Điểm K chỉ thuộc đường thắng m mà không thuộc đường thẳng d

1. Trong các thí nghiệm sau. Đâu không phải là một *phép thử nghiệm*?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**A.** Tung một đồng tiền để xem là mặt sấp hay mặt ngửa.

**B.** Gieo một con xúc xắc để biết số chấm xuất hiện trên con xúc xắc.

**C.** Chọn lần lượt từng viên bi trong hộp để đếm xem có bao nhiêu viên bi trong hộp.

**D.** Chọn ra một bạn trong lớp để xem bạn đó sinh vào tháng mấy.

1. Nếu gieo xúc xắc 11 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt 2 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 2 chấm bằng bao nhiêu?

**A.** 0,45. **B.. C.**. **D.**1.

1. Gieo một con xúc xắc 6 mặt 50 lần ta được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt | 1 chấm | 2 chấm | 3 chấm | 4 chấm | 5 chấm | 6 chấm |
| Số lần xuất hiện | 12 | 9 | 5 | 8 | 6 | 10 |

Số lần xuất hiện mặt chấm 5 là

**A. ** lần **B. ** lần **C. ** lần **D. **

1. **Tự luận**
2. Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể) **(2,0đ)**

a)  b)  c) 

1. Tìm  biết **(1,25đ)**

a)  b) 

1. **(1,25đ)** Lớp 8D có 36 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm  số học sinh cả lớp. Tính

a) Số học sinh nam của lớp 8D?

b) Tỉ số phần trăm giữa số học sinh nam và số học sinh cả lớp của lớp 8D?

1. **(1,5 đ)** Vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

a) Hai đường thẳng  và  cắt nhau tại .

b) Lấy 2 điểm  lần lượt trên đường thẳng  và  sao cho  và .

c) Lấy điểm K trên đường thẳng  sao cho điểm  là trung điểm của đoạn thẳng .

1. **(1,0 đ)**

a) Tính tổng 

b) Có bao nhiêu đường thẳng phân biệt được tạo thành từ 10 điểm phân biệt.

\* **HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1A | 2A | 3C | 4D | 5C | 6A |
| 7A | 8B | 9A | 10C | 11C | 12C |

**B. Phần tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài 1:** | a) | 0,25 x 2 |
| b) | 0,25 x 3 |
| c) | 0,25 x 3 |
| **Bài 2:** | a) | 0,25 x 3 |
| b) | 0,25 x 2 |
| **Bài 3:** | a) Số học sinh nữ của lớp 8D là  học sinh  Số học sinh nam của lớp 8D là 36 – 27 = 9 học sinh. | 0,25 x 2  0,25 |
| b) Tỉ số phần trăm giữa số học sinh nam và số học sinh cả lớp của lớp 8D là | ,25 x 2 |
| **Bài 4:** |  | a) 0,25x2  b)  0,25x2  c) 0,5 |
| **Bài 5:** | a) | 0,5 |
|  | b) Mỗi một điểm tạo với 9 điểm còn lại 9 đường thẳng phân biệt. Do đó có 10.9 = 90 đường thẳng tạo thành, trong đó mỗi đường thẳng được tính 2 lần.  Vậy nên số đường thẳng phân biệt được tạo thành từ 10 điểm phân biệt là 45 đường thẳng. | 0,5 |